

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 18-8-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ninh

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2023/TLST-HS ngày 12/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HS ngày 07/8/2023 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1990 tại Hải Phòng; đăng ký HKTT: Thôn K, xã V, huyện Y, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: Số 121, khu P (nay là tổ dân phố số 8), phường H, quận D, thành phố Hải Phòng (có xác nhận của đại diện chính quyền địa phương nơi đang cư trú); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967 và bà Mai Thị H, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là Trần Thị D, sinh năm 1988 (ly hôn năm 2018) và có 01 con, sinh năm 2012; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/01/2023 đến ngày 25/5/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”; có mặt.

2. PHẠM THỊ P, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1983 tại Nghệ An; đăng ký HKTT: Xóm K, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An; hiện cư trú tại: Số 121, khu P (nay là tổ dân phố số 8), phường H, quận D, thành phố Hải Phòng (có xác nhận của đại diện chính quyền địa phương nơi đang cư trú); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân G, sinh năm 1956 và bà Thái Thị C, sinh năm

1962; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn Quyền (đã chết) và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2005, con thứ hai sinh năm 2011; bị cáo thuộc hộ nghèo; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo P (do thuộc hộ nghèo): Bà Đoàn Thị H.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1972; cư trú tại: Phòng 5, tầng 1, khu tập thể V, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Quang H; vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Nguyễn Văn T với chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1972; cư trú tại: Phòng 5, tầng 1, khu tập thể Viện Khoa học Công nghệ giao thông vận tải, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có quen biết từ trước, do T làm nghề xe ôm, nhiều lần đón, chở chị Thuý đi giải quyết công việc ở Hải Phòng. Chiều tối ngày 25/12/2022, chị Thuý gọi điện thoại hẹn T sáng 26/12/2022 đón chị ở khu vực ngã 3 Nông T Thành Tô thuộc phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng khi chị đi xe khách từ Hà Nội về. T mượn xe mô tô Biển kiểm soát 16N1 - 3368 của chị Trương Thị Đức, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố Vinh Quang, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, Hải Phòng là người yêu cũ của T để đi đón chị Thuý. Sau khi đón được chị Thuý, T chở chị đi một số công việc ở Hải Phòng, chị nhờ T dùng điện thoại của chị để chụp ảnh giúp chị ở Đồi Thiên Văn thuộc quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Đến khoảng 12^h 30' ngày 26/12/2022, trên đường ra bãi biển khu 2, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng chị Thuý tự đưa T 01 điện thoại Iphone 13 Promax của chị nhờ chụp ảnh ở khu vực trên mặt bờ kè ven biển, ven bờ biển. Trong lúc chụp ảnh, do thấy điện thoại của chị Thuý có trị giá nhiều tiền, nên T nảy sinh ý định lấy điện thoại của chị bán lấy tiền tiêu. T nói chị Thuý “Ra đứng trên mỏm đá nổi trên mặt nước ở cách xa bờ, T đứng trên bờ kè ven bờ biển để chụp ảnh cho chị mới đẹp” với mục đích để lấy điện thoại của chị, chị sẽ không đuổi bắt, không hô hoán với mọi người được vì ở khu vực đó vắng người. Chị Thuý lội nước ra đứng trên mỏm đá để T chụp một số kiểu ảnh xong. Khi chị Thuý đang đi về phía bậc thang để lên mặt bờ kè ven biển, T cầm điện thoại của chị Thuý đi ra xe mô tô, trên xe có để 01 ba lô nhãn hiệu Adidas, bên trong có 01 điện thoại Google pixel 2, 01 áo phao gile, lông vũ màu hồng, nhãn hiệu Uniqlo đều là tài sản riêng của chị đi về nơi T đang ở trọ tại số 121, khu Phương Lung (nay là tổ dân phố số 8), phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng cất giấu các tài sản nêu trên của chị Thuý tại phòng trọ. Lúc đó chị Thuý chưa biết T lấy điện thoại và một số tài sản khác của chị để trên xe mô tô của T nên chị không hô hoán gì. Khi lên đến mặt bờ kè ven biển, chị Thuý không thấy T và xe mô tô của T đâu. Chị gọi điện thoại nhiều lần

vào điện thoại của chị do T đang giữ, T không nghe máy chị nên đến trình báo với Công an phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn về việc chị nghĩ bị T chiếm đoạt tài sản.

Sau đó, T mang điện thoại Iphone 13 Promax của chị T đến cửa hàng mua bán điện thoại ở khu vực gần đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thuộc huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng để bán với mục đích lấy tiền chi tiêu cá nhân (T không nhớ địa chỉ, tên cửa hàng), khi chủ cửa hàng hỏi mật khẩu để mở điện thoại, T đọc đúng mật khẩu do còn nhớ từ khi chị Thuý nói cho T biết để mở điện thoại chụp ảnh cho chị. Chủ cửa hàng đồng ý mua điện thoại với giá 19.000.000^d và hỏi mật khẩu Icloud của điện thoại, T nói không nhớ, chủ cửa hàng nói không có mật khẩu Icloud thì không mua nên T cầm điện thoại đi về. Chị Thuý điện thoại nhiều lần T không nghe máy, chị nhắn tin hỏi T “em lấy điện thoại của chị à”, T thừa nhận với lý do “Đang khó khăn nên làm vậy”. Chị Thuý xin chuộc lại tài sản, T yêu cầu chị phải đưa số tiền 15.000.000^d (mười lăm triệu đồng) để chuộc lại. Nếu chị không đồng ý, T sẽ bán điện thoại cho người khác. Chị đồng ý trả T 15.000.000^d (mười lăm triệu đồng). T nói sẽ cho người đến nhận tiền rồi trả lại toàn bộ tài sản của chị. T hẹn chị T khoảng 20 giờ ngày 26/12/2022, đến trước cửa nhà nghỉ Hưng Thịnh, địa chỉ: Số 602, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng để chuộc lại tài sản. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T mượn xe Mô tô biển kiểm soát 26K9 - 4846 của chị Hà Thị Doãn, sinh năm 1983, cư trú tại Bản Mé Mòi, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La làm công nhân ở gần phòng trọ với T đến Công ty đón P. Trên đường về, T nói với P “T vừa lấy đồ của một chị khách, rồi đưa toàn bộ tài sản trên cho P, cho P số điện thoại của chị T, T đưa Mũ bảo hiểm, áo Grap cho P mặc rồi đưa xe Mô tô trên cho P, nói P đến trước cửa nhà nghỉ Hưng Thịnh gọi điện thoại cho chị T lấy đủ 15.000.000^d (mười lăm triệu đồng) xong mới trả lại các tài sản. P hiểu ý T nói như vậy có nghĩa “T vừa lấy trộm được tài sản của chị T” và nhờ P đi đến điểm hẹn, gặp chị T lấy tiền chuộc, trả lại tài sản nên P đồng ý. Khoảng 19 giờ 55 phút cùng ngày, tại phía trước cửa nhà nghỉ Hưng Thịnh, địa chỉ số 624, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, P dùng điện thoại Samsung A52 của mình gọi điện thoại hẹn gặp chị T. Khi P vừa cầm 01 tờ tiền loại Polymer, có mệnh giá 500.000 đồng của chị Thuý đưa thì bị Tổ công tác Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang cùng vật chứng, có sự chứng kiến của anh Nguyễn Quang Hưng chủ nhà nghỉ Hưng Thịnh, nơi chị Thuý đang thuê phòng nghỉ ở đó. Nên P bị đưa về trụ sở Công an phường Anh Dũng, quận Dương Kinh lập biên bản làm việc.

Đến 21 giờ 30 phút ngày 26/12/2022, Nguyễn Văn T đến Công an quận Đồ Sơn đầu thú, giao nộp 01 xe Mô tô biển kiểm soát 16N1 - 3368, 01 điện thoại Nokia 1280, 01 điện thoại Nokia 105 của T và khai nhận toàn bộ về hành vi chiếm đoạt tài sản của chị P, các tình tiết khác có liên quan như nội dung vụ án đã nêu.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận: “... 01 điện thoại di động nhãn hiệu Google pixel 2, đã qua sử dụng, có giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax 128GB, đã qua sử dụng, có giá 20.500.000 đồng; 01 ba lô màu đen nhãn

hiệu Adidas, đã qua sử dụng, có giá 250.000 đồng; 01 áo phao gile, lông vũ màu hồng, nhãn hiệu Uniqlo đã qua sử dụng, có giá 75.000 đồng. Tổng cộng trị giá tài sản định giá: 21.325.000^d (hai mươi một triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)”.

Về vật chứng: Thu giữ 01 điện thoại Iphone 13 Promax 128 GB, màu xanh ngọc; 01 ba lô thể thao màu đen, nhãn hiệu Adidas; 01 áo phao Ghile lông vũ, màu hồng, nhãn hiệu Uniqlo; 01 điện thoại Google pixel 2 màu xanh ngọc, đều đã qua sử dụng và 500.000 đồng của chị Thuý. 01 xe mô tô Biển kiểm soát 16N1 - 3368, đã qua sử dụng của chị Trương Thị Đức, 01 xe mô tô Biển kiểm soát 26K9 - 4846, đã qua sử dụng của chị Hà Thị Doãn; khi mượn 02 xe nêu trên, T không nói cho chị Đức, chị Doãn biết mục đích T sử dụng xe để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đều đã trả các chủ sở hữu nhận lại đầy đủ số tài sản nêu trên vào các ngày 15, 16/6/2023.

Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen đều đã qua sử dụng của T giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A52, màu xanh dương; 01 áo Grap màu xanh; 01 mũ bảo hiểm Grap màu xanh đều đã qua sử dụng do P giao nộp đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự quận Đồ Sơn quản lý, phục vụ việc xét xử vụ án theo biên bản giao nhận ngày 11/7/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại chủ sở hữu hợp pháp là chị Thuý, chị không yêu cầu T, P bồi thường gì khác.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ về hành vi “Chiếm đoạt tài sản” của chị Thuý; P khai nhận toàn bộ về hành vi “Mang tài sản do T chiếm đoạt của chị Thuý đến gặp chị Thuý để nhận tiền chuộc, trả lại tài sản theo T nói”; bị hại chị Thuý khai: Phù hợp với lời khai của T, P về thời gian, địa điểm T chiếm đoạt tài sản của chị, yêu cầu chị phải trả tiền để chuộc lại tài sản. Chị đã nhận lại đủ các tài sản bị chiếm đoạt. Chị không yêu cầu T, P phải bồi thường gì khác phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKSĐS ngày 11/7/2023, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự và truy tố Phạm Thị P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Thị P đều khai nhận phù hợp với nhau, với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, Kết luận định giá tài sản, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ và các tình tiết khác có liên quan như nội dung vụ án đã nêu và khai.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn trình bày lời luận tội, quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; đề xuất về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

+ Nguyễn Văn T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi tư) tháng đến 30 (ba mươi) tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

+ Phạm Thị P từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175, khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, khấu trừ thu nhập. Do hoàn cảnh bị cáo T không có việc làm ổn định, bị cáo P thuộc hộ nghèo, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T, không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo P.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được trả bị hại nhận lại đầy đủ, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A52, màu xanh dương dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. 01 áo Grap màu xanh; 01 mũ bảo hiểm Grap màu xanh đều đã qua sử dụng (cũ), cần tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, cho bị cáo P được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo.

Các bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận; bị cáo P nhờ Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý - bà Hệ bào chữa cho bị cáo P: Đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố và đề nghị kết tội bị cáo Phạm Thị P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Về nguyên nhân, điều kiện phạm tội và tính chất vụ án do xuất phát từ việc P và T có quan hệ tình cảm với nhau, chung sống gắn bó 3 năm nên ngay khi bị cáo T nói đã có được tài sản của chị T và yêu cầu P thực hiện việc đưa tài sản, lấy tiền thì P đã nhận lời ngay. Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính giản đơn, bị cáo đang thực hiện thì bị phát hiện bắt quả tang nên P chưa lấy được số tiền 15.000.000 đồng như T với chị T đã thỏa thuận. Đánh giá về hành vi của P đã thỏa mãn hành vi khách quan của tội tiêu thụ tài sản. Tuy nhiên, mục đích của tội phạm thì chưa đạt được nên cần xem xét đánh giá việc phạm tội của P thuộc T hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành, hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần này là “phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, thuộc diện hộ nghèo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về loại hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, thuộc T hợp phạm tội chưa đạt; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân và gia đình luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi bị cáo cư trú. Trong thời gian được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo chấp hành tốt yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và không có thêm bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào khác, cho thấy bản thân bị cáo hoàn toàn có khả năng tự cải tạo được ngoài xã hội.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, trừ cho bị cáo 09 (chín) ngày bị tạm giữ tại Công an quận Đồ Sơn cũng đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa tội phạm, cho bị cáo cơ hội được tiếp tục ở ngoài để gánh vác gia đình bị cáo, được lao động để có thể lo cho các con bị cáo ở quê nhà. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự thì người

phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bản thân bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, thuộc hộ nghèo. Vì vậy, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, hành vi của P được xác định là phạm tội đã đạt, nhưng chưa hoàn thành do vừa nhận được 500.000^d (năm trăm nghìn đồng) của chị Thuý đưa thì bị bắt quả tang cùng vật chứng gồm các tài sản của chị Thuý do P đang quản lý. Vì vậy, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung luận tội, quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; đề xuất với Hội đồng xét xử về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án như đã trình bày tại phiên tòa.

Người bào chữa: Giữ nguyên nội dung bào chữa, tranh luận thay cho bị cáo P, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc để quyết định theo quy định của pháp luật.

Bị cáo P đồng ý với toàn bộ nội dung bào chữa, tranh luận do người bào chữa đã trình bày.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo cùng tỏ ra ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị hại, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đều đã có lời khai đầy đủ, phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Thuý bị hại đã nhận lại đầy đủ các tài sản bị chiếm đoạt, nay chị không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác. Xác định, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét

xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh, điều luật áp dụng:

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, đơn trình báo, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, đơn xin đầu thú, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; các biên bản ghi lời khai, bản tường trình của bị hại, người làm chứng; vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Nguyễn Văn T có quen biết từ trước với chị Nguyễn Thị Hồng Thuý do T làm nghề xe ôm, nhiều lần đón, chở chị Thuý đi giải quyết công việc ở Hải Phòng. Vào khoảng 12^h 30' ngày 26/12/2022, tại bãi biển khu 2, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, T "Lợi dụng niềm tin của chị T tự nguyện đưa T quản lý tài sản của chị Thuý" gồm 01 điện thoại Iphone 13 Promax 128 GB nhờ chụp một số kiểu ảnh ở khu vực bờ biển; 01 ba lô thể thao màu đen, nhãn hiệu Adidas, bên trong có đựng 01 áo phao Ghile lông vũ, màu hồng, nhãn hiệu Uniqlo; 01 điện thoại Google pixel 2 màu xanh ngọc đều đã qua sử dụng, để ở võng xe Mô tô do T điều khiển. Sau khi chụp giúp chị Thuý một số kiểu ảnh, T "Dùng thủ đoạn gian dối rồi bỏ trốn với mục đích để chiếm đoạt số tài sản nêu trên của chị T" có tổng trị giá 21.325.000 đồng theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản. Sau đó, Phạm Thị P được T nói cho biết về số tài sản trên do T phạm tội mà có nhưng P vẫn đồng ý mang toàn bộ tài sản đến điểm hẹn do T hẹn trước với chị Thuý để gặp chị T, yêu cầu chị phải trả 15.000.000 đồng để chuộc lại tài sản. Khi P vừa cầm được 01 tờ tiền loại Polymer, có mệnh giá 500.000 đồng của chị Thuý đưa thì bị Tổ công tác Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang cùng vật chứng, có sự chứng kiến của anh Nguyễn Quang Hưng chủ nhà nghỉ Hưng Thịnh. Nên P bị đưa về trụ sở Công an phường Anh Dũng, quận Dương Kinh lập biên bản. Hành vi của T đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Hành vi của P đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung:

[4] Với hành vi nêu trên của các bị cáo, xác định: Bị cáo T "Lợi dụng niềm tin của chị T tự nguyện đưa tài sản cho bị cáo quản lý, rồi dùng thủ đoạn gian dối, bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản" với tổng trị giá 21.325.000 đồng nên T phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; bị cáo P "mang tài sản biết rõ là do T phạm tội mà có đến gặp chị Thuý để yêu cầu trả tiền chuộc mới trả lại tài sản" nên P phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình

sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều chưa có tiền sự, tiền án; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo T ra “Đầu thú” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần này là “Phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng”. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét toàn bộ các nội dung người bào chữa đề nghị, toàn bộ các nội dung Kiểm sát viên đề xuất với Hội đồng xét xử đã nêu tại phần Nội dung vụ án. Xác định, những đề nghị của người bào chữa không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận; những đề nghị của người bào chữa, đề xuất của Kiểm sát viên có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về hình phạt, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, vấn đề dân sự:

[8] Về hình phạt chính: Từ những phân tích về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đánh giá hành vi của các bị cáo đều thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội mà còn gây tâm lý bức xúc trong nhân dân. Xác định loại hình phạt: Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo T có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Bộ luật Hình sự; bị cáo P có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; P thuộc hộ nghèo, chồng chết, đang làm công nhân, nuôi con còn nhỏ; 02 bị cáo chưa có tiền sự, tiền án, đều có nơi cư trú rõ ràng. Nên cho các bị cáo T, P được cải tạo ngoài xã hội, tương tự như đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Bị cáo T thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị; bị cáo P thuộc hộ nghèo, chồng chết, đang nuôi con nhỏ; các bị cáo đều đang thuê nhà trọ để ở. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo là có cơ sở, được chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với T; miễn khấu trừ thu nhập đối với P.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác, nên không đặt ra xem xét về trách nhiệm đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[11] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A52, màu xanh dương là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. 01 áo Grap màu xanh; 01 mũ bảo hiểm Grap màu xanh là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, đều đã qua sử dụng (cũ), cần tịch thu tiêu hủy.

- Các vấn đề khác:

[12] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo P được miễn án phí hình sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo tại địa phương.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với các chị Trương Thị Đức, Hà Thị Doãn là những người cho T mượn xe Mô tô để sử dụng, nhưng các chị đều không biết T dùng xe Mô tô mượn được vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về hình phạt chính:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

+ Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong T hợp Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

“Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ T hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; T hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. T hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

+ Phạm Thị P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ (09 ngày) từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt; bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của Phạm Thị P tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Dương Kinh nhận được Quyết định Thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo P. Bị cáo P phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Giao Phạm Thị P cho Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục.

Trong T hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau:

“Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm

vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ T hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; T hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. T hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết T hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.”

- Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Không phạt tiền đối với bị cáo T, miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo P.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A52, màu xanh dương.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 áo Grap màu xanh; 01 mũ bảo hiểm Grap màu xanh.

Theo biên bản giao nhận ngày 11/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo T phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo P được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Trong T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Hình sự: Các bị cáo đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn, HP;
- Trại giam Hải Phòng;
- Công an quận Đồ Sơn + PV 06 HP;
- THA phạt tù + PC 10 HP;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn + Sở Tư pháp HP;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ninh Lê Thị Mai Hương

Nguyễn Đức Hoàng